

THI NGOẠI CƠ SỞ- MÃ ĐỀ 340
Y2- YHDP 2- RHM 2 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất.

Câu 1. Các yếu tố nào sau đây giúp cơ thể chống lại nhiễm trùng, chọn câu SAI:

- a. Lông mao đường hô hấp
- b. Ván hồi manh tràng đóng kín
- c. **Tắc nghẽn lưu thông ruột**
- d. Lượng nước tiểu 1000ml/12h
- e. Nồng độ acid trong dạ dày

Câu 2. Theo công thức số 9 trong bảng, diện tích lòng bàn tay được tính là:

- a. **1%**
- b. 2%
- c. 3%
- d. 9%
- e. 18%

Câu 3. Nhiễm trùng nào sau đây KHÔNG phải là nhiễm trùng mô mềm :

- a. Áp xe nóng
- b. **Viêm túi mật cấp**
- c. Lao da
- d. Hoại thư sinh hơi
- e. Bướu bã nhiễm trùng

Câu 4. Khi tiếp cận bệnh nhân bị bỏng tại hiện trường, đầu tiên cần làm là:

- a. Hỗ trợ thở cho bệnh nhân vì dễ ngạt khói.
- b. Tránh làm bỏng bản thân.
- c. **Đưa bệnh nhân ra khỏi tác nhân gây bỏng.**
- d. Tưới nước lạnh cho bệnh nhân.
- e. Đánh giá dấu hiệu sinh tồn của bệnh nhân.

Câu 5. Điều nào KHÔNG đúng trong sinh lý bệnh của bỏng.

- a. **Giảm tính thấm thành mạch gây phù tại chỗ.**
- b. Giảm tưới máu thận gây suy thận.
- c. Tăng chuyển hóa.
- d. Giảm miễn dịch cơ thể và tại chỗ.
- e. Thay đổi huyết động.

Câu 6. Phân độ ASA 3 theo hiệp hội gây mê Hoa Kỳ là :

- a. BN khỏe mạnh bình thường
- b. BN có bệnh toàn thân nhẹ
- c. **BN có bệnh toàn thân nặng, còn khả năng vận động**
- d. BN có bệnh toàn thân nặng, không còn khả năng vận động
- e. BN có nguy cơ tử vong trong 24 giờ

Câu 7. Nói về bệnh lý đa hồng cầu, hãy CHỌN CÂU SAI :

- a. Đa số gặp ở nam
- b. Thường là bệnh nguyên phát
- c. Dễ chảy máu, tắc mạch.
- d. Tăng nguy cơ tai biến mạch máu não

THI NGOẠI CƠ SỞ- MÃ ĐỀ 340
Y2- YHDP 2- RHM 2 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất.

e. Đi kèm theo giảm tiểu cầu

Câu 8. Một bệnh nhân nam, 30 tuổi, nhập viện sau tai nạn giao thông khoảng 6 giờ, bệnh nhân bị va đập phần bụng xuống đường. Bệnh tình, nhưng bút rút, mạch 120 lần/ phút, HA 90/70 mmHg, thở 30 lần/ phút, da niêm nhợt, tứ chi ẩm lạnh. Khám thấy có vết bầm máu vùng bờ sườn trái. Bụng chướng, ấn đau khắp bụng. Siêu âm có dịch ổ bụng. Xét nghiệm Hct 26%.

Phân độ chảy máu trên bệnh nhân này?

- a. Độ I
- b. Độ II
- c. Độ III**
- d. Độ IV
- e. Độ V

Câu 9. Nguyên nhân nào KHÔNG gây chảy máu trong ổ bụng?

- a. Thai ngoài tử cung vỡ
- b. Nang hoàng thể xuất huyết
- c. U gan vỡ
- d. Phình động mạch chủ bụng vỡ
- e. Áp xe gan vỡ**

Câu 10. Cận lâm sàng nào KHÔNG giúp phát hiện dịch máu trong ổ bụng trên những bệnh nhân chấn thương bụng kín?

- a. Xquang bụng đứng**
- b. Siêu âm
- c. Chọc dò ổ bụng
- d. Chụp cắt lớp điện toán
- e. Chọc rửa ổ bụng

Câu 11. Quá trình làm sạch sử dụng các biện pháp sau, NGOẠI TRỪ:

- a. Nước
- b. Nhiệt
- c. Tia cực tím**
- d. Hóa chất
- e. Bàn chải

Câu 12. Nguyên nhân thường hay gây viêm phúc mạc thứ phát nhất là :

- a. Viêm ruột thừa cấp**
- b. Thủng ổ loét dạ dày tá tràng
- c. Thủng ruột non
- d. Thủng đại tràng
- e. Viêm tụy cấp

Câu 13. Dấu hiệu thăm khám nào sau đây gợi ý bạn nghĩ đến viêm phúc mạc do thủng dạ dày tá tràng nhiều nhất:

- a. Đề kháng vùng trên rốn**

THI NGOẠI CƠ SỞ- MÃ ĐỀ 340
Y2- YHDP 2- RHM 2 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất.

- b. Không có nhu động ruột
- c. Phản ứng dội (+)
- d. **Co cứng thành bụng**
- e. Ấn đau khắp bụng nhiều

Câu 14. Biểu hiện nào sau đây KHÔNG GẶP trên bệnh nhân đang có chảy máu trong ổ bụng:

- a. Thay đổi sinh hiệu
- b. Kích thích vật vã
- c. Lơ mơ hôn mê
- d. Tiêu ít
- e. **Tím đầu chi**

Câu 15. Sau một ngày tắm biển, da ửng đỏ, hơi rát và tự hết sau 2-3 hôm, tổn thương da được xếp loại nào trong mức độ bỏng ?

- a. Chưa có tổn thương bỏng
- b. **Bỏng độ 1**
- c. Bỏng độ 2
- d. Bỏng độ 3
- e. Bỏng độ 4

Câu 16. Tổn thương do nhiệt ở da đến lớp trung bì được xếp là:

- a. Bỏng nông
- b. Bỏng độ 1
- c. Bỏng độ 2
- d. **Bỏng độ 3**
- e. Bỏng độ 4

Câu 17. Bỏng toàn bộ một chân, diện tích bỏng được tính là:

- a. 4,5%
- b. 9%
- c. 13,5%
- d. **18%**
- e. 22,5%

Câu 18. Dấu hiệu mất vùng đục trước gan khi có:

- a. Dịch trong khoang phúc mạc
- b. Hẹp môn vị
- c. **Thủng tạng rỗng**
- d. Tắc ruột
- e. Áp-xe gan

Câu 19. Các yếu tố làm thiếu máu nuôi vết thương, NGOẠI TRỪ:

- a. Co thắt mạch máu
- b. Đường khâu quá chặt
- c. Bệnh lý mạch máu
- d. Suy giảm thể tích tuần hoàn

THI NGOẠI CƠ SỞ- MÃ ĐỀ 340
Y2- YHDP 2- RHM 2 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất.

e. Kháng sinh

Câu 20. Đặc trưng của giai đoạn viêm trong quá trình lành vết thương là:

- a. Bất hoạt của tế bào viêm tại nơi vết thương.
- b. Di chuyển tế bào viêm ra khỏi vết thương.
- c. Ức chế sản xuất chất trung gian và các yếu tố tăng trưởng.
- d. **Tăng tính thấm mạch máu.**
- e. Bạch cầu đa nhân trung tính đến vết thương sau cùng.

Câu 21. Bệnh nhân nữ, 20 tuổi, đến khám vì đau bụng đột ngột vùng hạ vị trong 2 giờ. Bệnh nhân trễ kinh 7 ngày kèm ra máu âm đạo.

Khám thấy da xanh niêm hồng nhạt, bụng trương vừa, ấn đau nhiều ở hố chậu phải. Chẩn đoán nào nghĩ đến nhiều nhất?

- a. **Thai ngoài tử cung vỡ**
- b. Viêm ruột thừa
- c. Nang buồng trứng xuất huyết
- d. Sảy thai sớm
- e. Viêm phần phụ

Câu 22. Một bệnh nhân đang bị COPD nặng sau khi trải qua cuộc mổ lớn cần chú ý điều gì?

- a. Sốc nhiễm trùng
- b. **Suy hô hấp**
- c. Hạ thân nhiệt
- d. Viêm phổi bệnh viện
- e. Viêm phổi cộng đồng

Câu 23. Bảng phân độ ASA của hiệp hội gây mê Hoa Kỳ (1963) có mấy độ:

- a. 3
- b. 4
- c. **5**
- d. 6
- e. 7

Câu 24. Trong khám bụng, điểm Murphy đau trong bệnh:

- a. Vỡ lách
- b. Sỏi niệu quản phải
- c. Viêm ruột thừa
- d. Viêm manh tràng
- e. **Viêm túi mật**

Câu 25. Các nguyên nhân sau gây nên tình trạng tăng tạo huyết khối , NGOẠI TRỪ:

- a. **Thiếu yếu tố VII**
- b. Tăng số lượng tiểu cầu
- c. Thiếu protein S
- d. Thiếu protein C
- e. Thiếu yếu tố AT III

THI NGOẠI CƠ SỞ- MÃ ĐỀ 340
Y2- YHDP 2- RHM 2 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất.

Câu 26. Kết quả XN đông cầm máu nào sau đây phù hợp với bệnh nhân Hemophilia A?

- a. TQ: 11 giây, TCK: 30 giây
- b. TQ: 34 giây, TCK: 31 giây
- c. TQ: 30 giây, TCK: 100 giây
- d. TQ: 11 giây, TCK: 25 giây
- e. **TQ: 12 giây, TCK: 120 giây**

Câu 27. Kết quả xét nghiệm đông cầm máu nào sau đây phù hợp với bệnh nhân tắc mạch kéo dài (thiếu vitamin K)?

- a. **TQ: 40 giây, TCK: 90 giây**
- b. TQ: 32 giây, TCK: 30 giây
- c. TQ: 12 giây, TCK: 34 giây
- d. TQ: 10 giây, TCK: 100 giây
- e. TQ: 11 giây, TCK: 27 giây

Câu 28. Trong những bất thường liên quan đến rối loạn đông cầm máu, bất thường nào sau đây không thể phát hiện bằng những xét nghiệm đông cầm máu cơ bản :

- a. Bệnh nhân bị Hemophilia
- b. Bệnh nhân bị xuất huyết giảm tiểu cầu
- c. Bệnh nhân bị suy gan hoặc xơ gan
- d. Bệnh nhân đang dùng thuốc kháng vitamin K
- e. **Bệnh nhân đang dùng Aspirin**

Câu 29. Nhiễm trùng vết mổ sâu là :

- a. Nhiễm trùng mô tổ chức dưới da
- b. **Nhiễm trùng mô cơ thành bụng**
- c. Nhiễm trùng giữa các quai ruột
- d. Nhiễm trùng giữa các tạng
- e. Nhiễm trùng huyết

Câu 30. Nguyên nhân nào sau đây KHÔNG gây nên bệnh cảnh vàng da tán huyết trước gan:

- a. Hồng cầu hình liềm
- b. Hồng cầu hình bia
- c. Thalassemia
- d. Sốt rét thể vàng da
- e. **Truyền nhầm nhóm máu**

Câu 31. Trong sốc chấn thương, đáp ứng đầu tiên về nội tiết và biến dưỡng đối với tình trạng giảm thể tích là:

- a. Giảm tiết angiotensin
- b. Giảm giải phóng insulin
- c. Giảm tiết hormon chống lợi niệu
- d. **Tăng tiết catecholamine**
- e. Tăng ly giải protein

THI NGOẠI CƠ SỞ- MÃ ĐỀ 340
Y2- YHDP 2- RHM 2 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất.

Câu 32. Vàng da do tăng Beta Carotene KHÔNG có đặc điểm nào sau đây:

- a. **Niêm mạc mắt vàng**
- b. Chủ yếu vàng lòng bàn tay bàn chân
- c. Màu vàng cam
- d. Giảm dần khi thay đổi chế độ ăn
- e. Không ngứa

Câu 33. Nguyên nhân nào sau đây KHÔNG phải là nguyên nhân gây hội chứng vàng da:

- a. Xơ gan
- b. Viêm gan cấp tính
- c. **Áp xe gan do amib**
- d. Viêm hẹp cơ vòng Oddi
- e. Giun chui ống mật

Câu 34. Dấu hiệu nào sau đây là ĐẶC HIỆU cho vàng da tắc mật:

- a. Ngứa toàn thân
- b. Túi mật căng to, đau
- c. Gan to
- d. Vàng da sậm
- e. **Phân bạc màu**

Câu 35. Tam chứng Charcot có những đặc điểm sau đây, NGOẠI TRỪ:

- a. Đau hạ sườn phải hoặc thượng vị xuất hiện đầu tiên
- b. Nếu nguyên nhân được giải quyết, triệu chứng đau biến mất đầu tiên
- c. Vàng da xuất hiện cuối cùng, kèm tiểu vàng sậm
- d. **Thường gặp trong những trường hợp tắc nghẽn mạn tính như ung thư**
- e. Có đặc điểm tái phát nếu như không điều trị triệt để nguyên nhân

Câu 36. Nói về đau kiểu tạng, câu nào sau đây là ĐÚNG:

- a. Xuất hiện muộn hơn đau kiểu thành
- b. Cơn đau kéo dài
- c. Bệnh nhân không dám xoay trở
- d. Khu trú và rõ ràng
- e. **Thường đau ở đường giữa**

Câu 37. Bên cạnh độ nhạy rất cao trong tắc mật, xét nghiệm GGT còn rất nhạy trong:

- a. Viêm gan mạn tính do siêu vi
- b. **Bệnh gan do rượu**
- c. Bệnh lý của xương
- d. Ung thư tế bào gan nguyên phát
- e. Xơ gan mất bù

Câu 38. Cận lâm sàng hình ảnh nào có độ nhạy và độ đặc hiệu cao nhất trong chẩn đoán sỏi đường mật trong gan:

- a. XQ bụng đứng
- b. Siêu âm bụng
- c. CT scan

THI NGOẠI CƠ SỞ- MÃ ĐỀ 340
Y2- YHDP 2- RHM 2 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất.

- d. MRI
- e. ERCP

Câu 39. Tính chất nào sau đây KHÔNG PHÙ HỢP với đau bụng do áp xe gan:

- a. **Đau quặn cơn hạ sườn phải**
- b. Đau tăng dần theo thời gian
- c. Đau bụng kèm sốt
- d. Có thể có dấu rung gan (+)
- e. Có thể sờ thấy gan to

Câu 40. Bệnh nhân nam, 20 tuổi, đau bụng hố chậu phải, kèm sốt cách nhập viện 3 ngày, không nôn, tiêu tiểu bình thường. Khám thấy bệnh nhân sốt 39°C, bụng ấn đau ½ bụng dưới, đề kháng vừa. Chẩn đoán ban đầu nghĩ nhiều cho trường hợp này?

- a. Cơn đau quặn thận
- b. Thủng dạ dày
- c. **Viêm phúc mạc ruột thừa**
- d. Viêm bàng quang cấp
- e. Viêm túi thừa đại tràng thủng

Câu 41. Nguyên nhân nào sau đây được xếp vào nhóm vàng da sau gan:

- a. Viêm gan mạn tính
- b. **Ung thư đầu tụy**
- c. Xơ gan
- d. Áp xe gan do vi trùng
- e. Ung thư tế bào gan nguyên phát

Câu 42. Phương pháp dùng để diệt khuẩn ống nội soi tiêu hóa là:

- a. Cồn tuyệt đối
- b. Phương pháp Pasteur
- c. Chiếu tia cực tím
- d. **Hóa chất Cidex**
- e. Khí Ethylen oxide

Câu 43. Dung dịch sát khuẩn thích hợp nhất đối với vết thương có nhiều dị vật và mô hoại tử.

- a. Nước Dakin 0,5%
- b. **Nước Oxy già**
- c. Thuốc tím
- d. Thuốc đỏ
- e. Betadine

Câu 44. Nói về tác nhân vi sinh vật gây áp xe nóng, hãy chọn câu SAI:

- a. Staphylococcus aureus
- b. Escherichia coli
- c. Staphylococcus epidermidis
- d. Streptococcus pyogenes
- e. **Mycobacterium tuberculosis**

THI NGOẠI CƠ SỞ- MÃ ĐỀ 340
Y2- YHDP 2- RHM 2 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất.

Câu 45. Trong các kết quả XN dưới đây, trường hợp nào được xem là tăng Bilirubin hỗn hợp:

- a. Bilirubin TT: 3mg %, Bilirubin GT: 2mg%
- b. **Bilirubin TT: 3.5mg %, Bilirubin GT: 7mg%**
- c. Bilirubin TT: 0.4mg %, Bilirubin GT: 0.6mg%
- d. Bilirubin TT: 2mg %, Bilirubin GT: 9mg%
- e. Bilirubin TT: 2.5mg %, Bilirubin GT: 2.5mg%

Câu 46. Một bệnh nhân nữ, 60 tuổi, nhập viện vì vàng da
Bệnh sử: vàng da vàng mắt tăng dần trong 2 tháng, đi cầu phân vàng nhạt, sụt cân, không đau bụng

Khám: thể trạng suy kiệt, da niêm vàng sẫm, sờ được túi mật to, không sờ thấy u

Chẩn đoán lâm sàng nghĩ đến nhiều nhất trên bệnh nhân này là:

- a. Xơ gan
- b. Viêm gan mạn tính
- c. Sỏi ống mật chủ
- d. Ung thư dạ dày di căn gan
- e. **U quanh bóng Vater**

Câu 47. Nói về triệu chứng toàn thân của hội chứng chảy máu trong, câu nào sau đây là SAI:

- a. Da xanh niêm nhạt
- b. Tứ chi lạnh
- c. Thay đổi tri giác
- d. **Mạch chậm**
- e. Huyết áp tụt

Câu 48. Khi phẫu thuật bệnh nhân cường giáp chưa ổn định, người ta sợ nhất vấn đề gì?

- a. BN có thể bị nhiễm trùng nặng sau mổ
- b. BN có thể bị suy tim cấp
- c. BN có thể bị hạ thân nhiệt nguy hiểm
- d. BN có thể bị chảy máu khó cầm
- e. **BN có thể bị cơn bão giáp**

Câu 49. Sốc sau đa chấn thương có thể là phối hợp của những cơ chế sau, NGOẠI TRỪ:

- a. Nhiễm trùng
- b. Giảm thể tích
- c. Đau
- d. Tổn thương thần kinh
- e. **Phản ứng phản vệ**

Câu 50. Đối với sốc mất máu sau chấn thương, dung dịch sử dụng đầu tiên để hồi sức là:

- a. Máu toàn phần
- b. Hồng cầu lắng
- c. **NaCl 0.9%**

THI NGOẠI CƠ SỞ- MÃ ĐỀ 340
Y2- YHDP 2- RHM 2 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất.

- d. Cao phân tử
- e. Huyết tương tươi đông lạnh

Câu 51. Dấu hiệu nào sau đây KHÔNG gặp ở bệnh nhân viêm phúc mạc:

- a. **Đau bụng quặn cơn**
- b. Sốt cao
- c. Liệt ruột
- d. Bụng gồng cứng
- e. Vết mặt nhiễm trùng

Câu 52. Trong các chất sau đây, chất nào được xem là kích thích phúc mạc yếu nhất:

- a. Dịch mật
- b. Dịch tụy
- c. Dịch dạ dày
- d. Dịch ruột non
- e. **Dịch máu**

Câu 53. Trường hợp nào sau đây được sử dụng găng tay sạch (không vô trùng):

- a. Tham gia phụ mổ
- b. Chọc dò tủy sống
- c. Làm tiểu phẫu
- d. **Thăm khám hậu môn**
- e. Đặt thông tiểu

Câu 54. Nguyên nhân nào sau đây KHÔNG gây chảy máu trong ổ bụng:

- a. **Vỡ dẫn tĩnh mạch thực quản**
- b. Vỡ gan
- c. Vỡ dị dạng mạch máu mạc treo ruột
- d. Vỡ phình động mạch chủ bụng
- e. Vỡ lách

Câu 55. Vàng da tái phát, lúc tăng lúc giảm thường gợi ý đến nguyên nhân:

- a. Viêm gan cấp
- b. **Sỏi ống mật chủ**
- c. Xơ gan
- d. Ung thư đầu tụy
- e. Ung thư gan

Câu 56. Một bệnh nhân xơ gan giai đoạn cuối có kết quả XN TQ 35 giây, TCK 90 giây, tiểu cầu 100 G/L.

BN này cần phải phẫu thuật cấp cứu. Điều chỉnh rối loạn đông máu trong trường hợp này sử dụng:

- a. Máu toàn phần
- b. Tiểu cầu đậm đặc
- c. Yếu tố VIII
- d. **Huyết tương tươi đông lạnh**
- e. Vitamin K1

THI NGOẠI CƠ SỞ- MÃ ĐỀ 340
Y2- YHDP 2- RHM 2 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất.

Câu 57. Trong các trường hợp viêm phúc mạc bên dưới, trường hợp nào không cần can thiệp phẫu thuật:

- a. Viêm phúc mạc do viêm ruột thừa hoại tử
- b. Viêm phúc mạc mật do viêm túi mật hoại tử
- c. Viêm phúc mạc do thủng ổ loét dạ dày
- d. Viêm phúc mạc nguyên phát ở BN hội chứng thận hư**
- e. Viêm phúc mạc do thủng u đại tràng

Câu 58. Phẫu thuật trên bệnh nhân đái tháo đường lo sợ nhất điều gì?

- a. Dễ chảy máu
- b. Vết thương chậm lành**
- c. Suy hô hấp sau mổ
- d. Suy thận sau mổ
- e. Đường huyết tăng cao sau mổ

Câu 59. Áp xe do bướu bã nhiễm trùng nếu không được điều trị sẽ dẫn đến hậu quả:

- a. Chảy máu từ ổ áp xe
- b. Ung thư da
- c. Tiến triển thành áp xe lạnh
- d. Xuất hiện thêm những ổ áp xe ở vị trí khác
- e. Nhiễm trùng huyết**

Câu 60. Điều trị nhiễm trùng ngoại khoa khác với nhiễm trùng nội khoa ở một nguyên tắc chính yếu, đó là:

- a. Ổ nhiễm trùng phải được giải quyết**
- b. Phải dùng kháng sinh thật mạnh
- c. Phải tìm ra nguyên nhân và điều trị triệt để
- d. Phải điều trị nội trú ít nhất 2 tuần
- e. Phải cấy được mủ, làm kháng sinh đồ

=====